

Số: 70 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan thực hiện các Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 568/TTr - SNN&MT ngày 07/7/2026, Văn bản số 9367/SNN&MT-KTHT ngày 14/7/2026 (Báo cáo thẩm định số 290/BC-STP ngày 02/7/2026 của Sở Tư pháp).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định một số tiêu chí, chỉ tiêu Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

b) Việc xây dựng nông thôn mới ở đặc khu trên địa bàn tỉnh: phải đảm bảo đáp ứng từ 70% trở lên số nội dung tiêu chí yêu cầu đối với xã nhóm I được quy định tại Quyết định này (trong đó có các nội dung tiêu chí: Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người; có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương; có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập; cho người lao động địa phương;

tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; tỷ lệ hộ được sử dụng; nước sạch theo quy chuẩn; bảo đảm an toàn thực phẩm).

2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu;
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành.

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương có liên quan chủ động hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách; xây dựng kế hoạch hàng năm, trong đó nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp chủ yếu, lộ trình, thời gian hoàn thành.

b) Chịu trách nhiệm đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan thường trực Chương trình theo quy định.

c) Định kỳ hàng quý (*gửi trước ngày 15 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 10 tháng 6*) và hàng năm (*gửi trước ngày 20 tháng 11*) báo cáo kết quả triển khai các nội dung tiêu chí được phân công phụ trách trên địa bàn các xã, đặc khu gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ hàng quý (*gửi trước ngày 25 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 25 tháng 6*) và hàng năm (*gửi trước ngày 25 tháng 11*) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu

a) Căn cứ khoản 1 Điều 1 quyết định này và hướng dẫn chuyên môn của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và điều kiện thực tế của địa phương, triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch.

b) Định kỳ hàng quý (*gửi trước ngày 15 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 10 tháng 6*) và hàng năm (*gửi trước ngày 20 tháng 11*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh và các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ninh; Chủ tịch UBND các xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT (*báo cáo*);
- VPĐP NTM Trung ương (*báo cáo*);
- TT. Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1, NLN3, TM3. TH4;
- Phòng HC-TC-TV;
- Lưu: VT, NLNI (05b-QĐ 98).

Ký bởi: Nguyễn Khắc Hiền

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Kháng

PHỤ LỤC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH
(Kèm theo Quyết định số 70 /2026/QĐ-UBND ngày 28 /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ -TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	- Xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị khi có Quy hoạch chung đô thị (bao gồm địa giới hành chính đô thị hiện hữu và địa giới hành chính xã liền kề đô thị hiện hữu) được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn - Xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10% khi có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.	- Khi có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có quy hoạch chi tiết khi có Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		

¹ Việc phân loại xã theo Nhóm 1, Nhóm 2 thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt danh sách các xã thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Khi có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.		
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa; - Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì.	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ 85% có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12% /năm	Bình quân $\geq 10\%$ /năm	Bình quân từ $\geq 10\%$ /năm	Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Thống kê tỉnh và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
	nông thôn					các sở, ban, ngành của tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ≥ 03 mô hình hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ≥ 02 mô hình hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; Sở Văn hóa TT và Du lịch phối hợp
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	Hội Nông dân tỉnh Quảng Ninh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01	Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, hướng dẫn theo lĩnh vực quản lý BQL các Khu kinh tế phối hợp
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 27%	≥ 40%	≥ 35%	Sở Nội vụ, Thống kê tỉnh phối hợp
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	60%	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 2%	≤ 1 %	≤ 4 %	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥ 75%	≥ 95%	≥ 85%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	≥ 85% (trong đó ≥ 70% tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥ 75% (trong đó ≥ 60% tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ chủ trì; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp.
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Y tế, Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bư chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	Xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi: đạt tỉ lệ ≥ 90%, có ít nhất 02 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi, tuần hoàn chất thải chăn nuôi Xử lý, tái chế phụ phẩm nông nghiệp: đạt tỉ lệ ≥ 95%	- Xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi: Đạt tỉ lệ ≥ 90%, có ít nhất 01 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi, tuần hoàn chất thải chăn nuôi - Xử lý, tái chế phụ phẩm nông nghiệp đạt tỉ lệ ≥ 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$ và có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$	Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ chủ trì tổng hợp, theo dõi kết quả thực hiện chỉ tiêu và thẩm định kết quả chỉ tiêu
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung (QĐ 51/2025/QĐ-TTg)	Yêu cầu đối với từng nhóm xã ¹ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh		Đơn vị chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm tra, thẩm định và kiểm tra, đôn đốc
				Nhóm 1	Nhóm 2	
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	UBND các xã, đặc khu chủ trì thực hiện; Công an tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và công nghệ quản lý, hướng dẫn sử dụng và thẩm định kết quả chỉ tiêu
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh